CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Liên Việt II.

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II.

- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: 735/QĐ-SNNMT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thời gian họp: 08 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 6 năm 2026.

- Địa điểm: Phòng họp số 3 – Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1. Thành phần tham dự phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định:

1.1. Hội đồng thẩm định:

- Thành viên Hội đồng thẩm định có mặt: 11 người

- Thành viên vắng mặt: 0

1.2. Chủ dự án đầu tư:

- Ông Vũ Xuân Đức, Phó Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Liên Việt II (dự thay ông Phạm Hồng Tuấn, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 00901/2026/UQ-LVS2 ngày 15/6/2026).

- Ông Nguyễn Văn Tình, Nhân viên Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Liên Việt II.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Liên, Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

- Bà Phạm Thị Vân Trâm, Nhân viên Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

- Ông Ngô Ngọc Tân, Nhân viên Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung và diễn biến phiên họp:

2.1. Bà Phạm Minh Ngọc, Thành viên thư ký Hội đồng thẩm định thông báo lý do và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu ông Võ Văn Lên, Chủ tịch Hội đồng thẩm định điều hành phiên họp.

2.2. Ông Ngô Ngọc Tân đại diện chủ dự án trình bày nội dung báo cáo:

- Thông tin chung về dự án đầu tư.

- Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, khả năng chịu tải của địa phương.

- Hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư.

- Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án đầu tư và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Nội dung đề nghị cấp giấy phép (bao gồm: nước thải, tiếng ồn và độ rung).

- Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải và chương trình quan trắc môi trường của dự án.

2.3. Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên Hội đồng thẩm định:

(Biên bản chỉ tóm lược những ý kiến đối với những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, các ý kiến khác thể hiện tại bản nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định kèm theo)

a) Ý kiến nhận xét của bà Phùng Thị Bích Lam:

- Phạm vi dự án: Đề nghị làm rõ phạm vi dự án (phần đất nào thuộc dự án và phần đất nào thuê từ cá nhân khác).

- Hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư: Đã cập nhật số liệu về hiện trạng môi trường (chất lượng không khí sử dụng số liệu của công ty Sang Đào năm 2021), đồng thời công ty đã tiến hành thu mẫu không khí tại khu vực dự án (03 mẫu ngày 21-23/02/2025). Công ty chưa lấy mẫu về chất lượng nước mặt tại rạch Cà Lang mà sử dụng số liệu của Công ty Kiên Cường năm 2023. Do đó, đề nghị Công ty bổ sung lấy mẫu nước mặt tại Rạch Cà Lang.

- Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án đầu tư và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy giáp với đường, các hộ dân là không đảm bảo khoảng cách môi trường. Theo quy định của QCVN 01:2021/BXD, trong trường hợp này công ty phải có giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh. Do đó, đề nghị công ty làm rõ sẽ bố trí giải pháp như thế nào, trong đó cần quan tâm vấn đề mùi của hệ thống xử lý nước thải.

- Đề nghị áp dụng quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

- Đề nghị dự báo từng loại chất thải nguy hại phát sinh (có ghi rõ mã số) trong quá trình vận hành dự án.

- Đề nghị bổ sung Chủ dự án cam kết thực hiện các nội dung sau:

+ Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của cơ sở gửi đến các cơ quan chức năng theo đúng quy định.

+ Công khai nội dung giấy phép môi trường theo quy định.

b) Ý kiến nhận xét của ông Lương Thanh Hải:

Dự án đã xây dựng xong, nay thực hiện các thủ tục để đưa nhà máy vào vận hành. Hình thức của báo cáo theo mẫu trình bày rõ ràng; nội dung báo cáo đầy đủ các mục, chi tiết, rất tốt. Tuy nhiên, để báo cáo được hoàn chỉnh, đề nghị chỉnh sửa các nội dung sau:

- Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án: Bổ sung cập nhật hiện trạng chất lượng nước mặt rạch Cà Lang, nguồn tiếp nhận.

- Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Báo cáo chưa dự kiến khối lượng phát sinh, từng loại CTNH, mã số.

- Chương 1:

+ Bổ sung vị trí dự án theo tọa độ VN2000 kênh tuyến trục $104^0 45'$ múi chiếu 3^0, các đối tượng tiếp giáp xung quanh khu vực dự án.

+ Bảng 1.8 (tr 38): Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại nhà máy: Xem bổ sung đầy đủ, ví dụ: NH_3 sử dụng trong hệ thống làm lạnh cấp đông (tr 85: 13kg/ngày).

- Chương 2:

+ Bổ sung Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Khí hậu khí tượng: Báo cáo tham khảo số liệu 5 năm 2019-2023, nên tham khảo 5 năm đến 2025.

- Chương 3: Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí (trang 68): Nội dung chỉ có không khí, thiếu môi trường nước mặt, là nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý. Báo cáo có nêu tại mục mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải (trang 65) tại Bảng 3.9 kết quả phân tích chất lượng nước mặt (nguồn tham khảo từ Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Cường năm 2023), trong đó, nước mặt rạch Cà Lang có dấu hiệu ô nhiễm 7 chỉ tiêu vượt QCVN 08:2023/BTNMT. Vậy nên, cần xem xét tham khảo cập nhật kết quả phân tích năm 2025 từ nguồn khác hoặc dự án bổ sung lấy mẫu phân tích.

- Chương 4:

+ Mục đánh giá tác động đến môi trường nước, Bảng 4.1 (trang 70): Cột cuối là nước thải phát sinh m^3/ngày. Báo cáo tính toán tốt có nhân hệ số k, trong đó có hệ số k là 3,0 tại STT công nhân làm việc tại nhà máy, tuy nhiên nên thay tựa bảng là "Lượng nước thải phát sinh trong quá trình chế biến của nhà máy" thì rõ hơn. Nước thải sau xử lý đạt cột B QCVN 40:2025/BTNMT.

+ CTNH: Báo cáo thiếu đánh giá tác động, tuy nhiên có nêu biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động (trang 117) các loại thùng lưu giữ chứa trong kho diện tích 6m^2, nhưng thiếu dự kiến khối lượng phát sinh và mã số từng loại CTNH.

c) Ý kiến nhận xét của bà Phan Thị Ngọc Liễu:

- Do hiện nay, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thực hiện). Đồng thời, quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền lập của Sở Xây dựng và UBND cấp xã thực hiện. Do đó, đối với nội dung đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch đề nghị lấy ý kiến thêm Sở Tài chính để xác định sự phù hợp của dự án với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

- Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư: Đề nghị chủ đầu tư phối hợp với tư vấn xác định lại quy mô, phạm vi thực hiện dự án (theo thuyết minh báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án, có tổng diện tích 9.371,1m^2. Tuy nhiên theo Giấy chứng đầu tư số: 0188426858 do Sở Tài chính An Giang cấp cho Công ty, đối với dự án Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II với diện tích đất: 2.426m^2).

d) Ý kiến nhận xét của ông Trịnh Đình Bảo:

- Cập nhật tính toán lưu lượng và tải lượng các nguồn thải phát sinh.

- Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Bổ sung cơ sở tính

toán, lưu lượng nước thải lớn nhất.

- Làm rõ khả năng tiếp nhận của nguồn nước thải. Đánh giá ảnh hưởng công trình thủy lợi hoạt động khai thác sử dụng nước.

- Nội dung đề nghị cấp phép môi trường: Rà soát lại các thông số lưu lượng.

- Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Rà soát và đối chiếu chương trình quan trắc môi trường và tổng suất quan trắc.

- Rà soát lại số liệu cho thống nhất nội dung các chương.

- Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

+ Rà soát chỉnh sửa, thống nhất số liệu báo cáo.

+ Bổ sung cơ sở tính toán lưu lượng.

+ Hoàn thiện phương án ứng phó sự cố môi trường.

đ) Ý kiến của bà Trầm Thanh Ngân

- Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án: Cập nhật, thu mẫu đánh giá hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án.

- Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi): Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của rạch Cà Lang.

- Thống nhất vị trí thoát nước mưa tại trang 110 (hệ thống thoát nước chung) và trang 111 (kênh nội đồng).

e) Ý kiến nhận xét của ông Nguyễn Thuận Hòa:

- Chất thải rắn thông thường: Rà soát tính toán lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (bể Daf và các bể sinh học).

- Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi): Rà soát, đánh giá nước mặt rạch Cà Lang.

- Các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cụ thể như sau:

+ Đề nghị nêu cụ thể biện pháp, trang thiết bị, hóa chất sử dụng, tần suất phun để giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn của hệ thống xử lý nước thải để làm cơ sở xem xét, đánh giá xem có thể cho hệ thống xử lý nước thải đặt tại khu vực như trong báo cáo đề xuất không.

+ Do trong quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải có công đoạn xử lý hóa lý và phát sinh bùn thải nhiều. Do đó, phải tính toán rõ khối lượng bùn thải phát sinh (từ bể Daf và các bể sinh học) để làm cơ sở tính toán, bố trí bể chứa bùn cho phù hợp. Trong báo cáo mới tính toán bùn phát sinh từ các bể sinh học.

+ Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải: Đề nghị hệ thống xử lý nước thải của dự án phải lắp đặt công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung) theo quy định tại khoản 24, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

+ Đề nghị rà soát, lập bảng thống kê cụ thể diện tích và mục đích sử dụng đất của các công trình của cơ sở.

+ Đề nghị bổ sung thu mẫu phân tích đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước Rạch Cà Lang.

g) Ý kiến nhận xét của ông Nguyễn Trương Khương:

- Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra: Cần rà soát, đánh giá đầy đủ các nguồn thải.

- Chất thải rắn thông thường: Trên cơ sở khối lượng nguyên liệu và định mức sử dụng nguyên liệu, đề nghị rà soát để có phương án bố trí kho lưu trữ đối với phụ phẩm của các quy trình sản xuất.

- Phương án thu gom, quản lý chất thải: Rà soát bổ sung hệ thống thu gom nước thải ở các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải, lưu ý đối với khu lưu chứa phụ phẩm của quá trình sản xuất.

- Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải: Rà soát quy định về khoảng cách an toàn đối với vị trí bố trí công trình xử lý nước thải, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp.

- Phương án quản lý chất thải nguy hại: Rà soát, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo theo quy định.

- Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Rà soát, thống kê đầy đủ khối lượng và chủng loại chất thải phát sinh.

- Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…): Rà soát, thống kê khối lượng phụ phẩm phát sinh từ quá trình chế biến.

- Nước thải: Đề nghị so sánh các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép đạt Quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

- Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư: Trên cơ sở khối lượng nguyên liệu và định mức sử dụng nguyên liệu, đề nghị rà soát để có phương án bố trí kho chứa cho phù hợp đối với phụ phẩm của các quy trình sản xuất; làm rõ tần suất chuyển giao; lưu ý trong quá trình chuyển giao tại khu vực lưu chứa nếu có phát sinh nước thải phải bổ sung công trình thu gom dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý tập trung, tránh tình trạng nước thải hòa lẫn với nước mưa và thoát ra môi trường.

h) Ý kiến nhận xét của ông Trần Thế Anh:

- Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp: Đề nghị chủ đầu tư bổ sung Quyết định 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tại mục 2.1 trang 54 của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

+ Tại mục 3.2.2 mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải trang 65 của báo cáo là lấy nguồn số liệu của Công ty nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh Kiên

Cường năm 2023 là chưa phù hợp. Đề nghị chủ đầu tư bổ sung số liệu quan trắc tại Rạch Cái Lang của công ty cho phù hợp.

+ Đối với chủ trương đầu tư của dự án chỉ có 2.426,0m^2 mà hiện tại Chủ đầu tư xin cấp phép môi trường diện tích đến 9.371,1m^2 là chưa phù hợp. Đề nghị chủ đầu tư rà soát lại nội dung này cho phù hợp.

+ Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã hết hạn. Đề nghị chủ đầu tư bổ sung hợp đồng còn hiệu lực.

i) Ý kiến của ông Đặng Hữu Thắng

- Bổ sung rõ biện pháp giảm thiểu mùi từ khu vực lưu chứa phế phẩm; biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải.

- Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi): Đánh giá khả năng tiếp nhận của nguồn tiếp nhận nước thải.

- Rà soát bổ sung hệ thống thu gom nước thải ở các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải, lưu ý đối với khu lưu chứa phụ phẩm của quá trình sản xuất.

- Rà soát quy định về khoảng cách an toàn đối với vị trí bố trí công trình xử lý nước thải, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp.

- Nội dung đề nghị cấp phép môi trường

+ Đối với nước thải: Đề nghị so sánh các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép đạt Quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

+ Tiếng ồn, độ rung: Bổ sung đánh giá tiếng ồn khu vực máy móc làm lạnh.

- Các cam kết của chủ dự án: Bổ sung cam kết khi có xảy ra ô nhiễm phải bồi thường theo quy định.

Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

- Đề nghị rà soát phạm vi dự án có phù hợp với quy hoạch tỉnh hay không (theo Quyết định số 676/QĐ-UBND).

- Rà soát phạm vi diện tích dự án phải đảm bảo phù hợp mục đích sử dụng, để làm cơ sở cấp phép theo quy định.

- Bổ sung nội dung đánh giá nước từ hoạt động làm mát của máy làm lạnh của nhà máy (tuần hoàn hay xả ra môi trường).

- Do dự án thuộc danh mục nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và gần dân cư, do đó, cần có biện pháp cụ thể giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước (làm rõ tuần suất, thời gian phun chế phẩm vi sinh, danh mục máy móc, thiết bị để sử dụng phun chế phẩm vi sinh,…).

- Đối với phụ phẩm: Đề nghị làm rõ tần suất chuyển cho đơn vị có nhu cầu làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi (đề nghị xem xét việc chuyển trong ngày để hạn chế phát sinh mùi hôi).

k) Ý kiến của bà Phạm Minh Ngọc

- Đề nghị chủ dự án xác định lại phạm vi của dự án; cần định vị lại các điểm khép góc của dự án theo phạm vi của dự án phù hợp với giấy chứng nhận đầu tư.

Bổ sung văn bản lấy ý kiến của địa phương về sự phù hợp quy hoạch của dự án. Đối với phần đất không thuộc phạm vi dự án, mà thuê từ cá nhân: Đề nghị cung cấp sơ đồ vị trí các khu vực này, làm rõ sự phù hợp với mục đích sử dụng đất. Bổ sung hợp đồng thuê đất có thể hiện rõ trách nhiệm các bên.

- Bổ sung đánh giá tác động về mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.

- Đề nghị áp dụng quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

- Cập nhật lại các loại hóa chất có sử dụng tại nhà máy (trong đó có hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải). Hệ thống xử lý nước thải chưa đảm bảo về khoảng cách, do đó, đề nghị làm rõ biện pháp xử lý mùi hôi đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Đề nghị xem lại phương thức xả thải do dự án cách điểm xả thải khá xa, việc xả thải theo phương thức tự chảy có đảm bảo hay không?

2.4. Ý kiến của chủ dự án đầu tư:

Ông Vũ Xuân Đức đại diện chủ dự án ghi nhận các ý kiến đóng góp của các thành viên trong hội đồng thẩm định và sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung các nội dung còn thiếu sót theo ý kiến của hội đồng thẩm định.

3. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

3.1. Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung: 0/11

3.2. Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: 11/11

3.3. Số phiếu không thông qua báo cáo: 0/11

4. Kết luận phiên họp:

Ông Võ Văn Lên, Chủ tịch hội đồng thẩm định kết luận: Về cơ bản, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đã xác định đúng đối tượng và trình bày đúng theo mẫu quy định tại điểm e khoản 8 Điều 26 và Mục 2 Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Báo cáo đã trình bày, phân tích, đánh giá tác động của dự án và đề xuất các nội dung đề nghị cấp phép, kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định.

Đề nghị chủ dự án sao chép các bản nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định, trên cơ sở đó tiếp thu nhận xét của các thành viên để chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án. Trên cơ sở nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định và ý kiến nhận xét của cá nhân, đề nghị chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và lưu ý một số nội dung sau:

- Đối với sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường: Đề nghị chủ đầu tư bổ sung đánh giá sự phù hợp về quy hoạch theo Quyết định 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.; sự phù hợp theo quy hoạch phát triển đô thị của địa phương. Rà soát phạm vi diện tích dự án phải đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, mục đích sử dụng, để làm cơ sở cấp phép theo quy định.

- Đề nghị áp dụng quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

- Đề nghị chủ dự án có giải pháp bảo đảm vệ sinh môi trường xung quanh đối với hệ thống xử lý nước thải.

Hội đồng thẩm định thống nhất thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các thành viên hội đồng.

Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được Công văn về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án, chủ dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình; hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án và gửi về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang rà soát, xin ý kiến của các chuyên gia và các thành viên Hội đồng thẩm định có liên quan (nếu cần thiết), báo cáo sau chỉnh sửa nếu đạt yêu cầu sẽ trình Giám đốc Sở xem xét, cấp giấy phép theo quy định.

5. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG	**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**
Phó Giám đốc Sở NN&MT	
Võ Văn Lên	**Phạm Minh Ngọc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Phạm Minh Ngọc

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Thạc Sỹ, Chuyên viên

3. Nơi công tác: (Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail) Chi cục Bảo vệ môi trường

4. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II.

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	2	Đề nghị xác định lại phạm vi của dự án phù hợp với giấy chứng nhận đầu tư. Bổ sung văn bản lấy ý kiến của địa phương về sự phù hợp quy hoạch của dự án
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	1	Đề xuất dự án lấy mẫu hiện trạng môi trường nước mặt tại Rạch Cà lang
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	1	
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra.		
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	1	

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
4.1.1	Nước thải	1	
4.1.2	Khí thải	2	Bổ sung đánh giá tác động về mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải
4.1.3	Chất thải rắn thông thường	1	
4.1.4	Chất thải nguy hại	1	
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi).	1	
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)		
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường		
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải	1	
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải	2	Đề nghị áp dụng quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B). Cập nhật lại các loại hóa chất có sử dụng tại nhà máy (trong đó có hóa

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
			chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải).
7.3	Biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải	2	Hệ thống xử lý nước thải chưa đảm bảo về khoảng cách, do đó, đề nghị làm rõ biện pháp xử lý mùi hôi đối với hệ thống xử lý nước thải
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại	1	
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường	1	
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải	1	
7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)		
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	1	
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	1	
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường		
11.1	Nước thải	2	Đề nghị xem lại phương thức xả thải do dự án cách điểm xả thải khá xa, việc xả thải theo phương thức tự chảy có đảm bảo hay không?
11.2	Khí thải		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
11.3	Tiếng ồn, độ rung	1	
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại	1	
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý	-	
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động	-	
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	-	
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	2	
12.1	Đối với nước thải	2	Đề nghị áp dụng quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)
12.2	Đối với khí thải	1	
12.3	Giám sát khác	1	
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh	-	
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh	-	
14	Các cam kết của chủ dự án	1	

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

Báo cáo cơ bản thực hiện theo đúng hướng dẫn, tuy nhiên cần chỉnh sửa theo nội dung đã góp ý trên.

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):*

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

- Đề nghị chủ dự án xác định lại phạm vi của dự án; cần định vị lại các điểm khép góc của dự án theo phạm vi của dự án phù hợp với giấy chứng nhận đầu tư.

- Bổ sung văn bản lấy ý kiến của địa phương về sự phù hợp quy hoạch của dự án.

- Đối với phần đất không thuộc phạm vi dự án, mà thuê từ cá nhân: đề nghị cung cấp sơ đồ vị trí các khu vực này, làm rõ sự phù hợp với mục đích sử dụng đất. Bổ sung hợp đồng thuê đất có thể hiện rõ trách nhiệm các bên.

9. Kết luận: Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

An Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)

Phạm Minh Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Trương Khương

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Thạc Sỹ, Chuyên viên

3. Nơi công tác: (Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail) Chi cục Bảo vệ môi trường

4. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II.

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	Đạt yêu cầu	
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	Đạt yêu cầu	
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	Đạt yêu cầu	
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra.	Cần hoàn thiện	Cần rà soát, đánh giá đầy đủ các nguồn thải
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
4.1.1	Nước thải		
4.1.2	Khí thải		
4.1.3	Chất thải rắn thông thường		Trên cơ sở khối lượng nguyên liệu và định mức sử dụng nguyên liệu, đề nghị rà soát để có phương án bố trí kho lưu trữ đối với phụ phẩm của các quy trình sản xuất
4.1.4	Chất thải nguy hại		
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra		
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi).	Đạt yêu cầu	
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)	Đạt yêu cầu	
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường	Cần hoàn thiện	
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải		Rà soát bổ sung hệ thống thu gom nước thải ở các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải, lưu ý đối với khu lưu chứa phụ phẩm của quá trình sản xuất

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải		Rà soát quy định về khoảng cách an toàn đối với vị trí bố trí công trình xử lý nước thải, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp
7.3	Biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải		
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại		Rà soát, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo theo quy định
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường		
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải		
7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra		
8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)		
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	Cần hoàn thiện	Rà soát, thống kê đầy đủ khối lượng và chủng loại chất thải phát sinh.
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	Cần hoàn thiện	Rà soát, thống kê khối lượng phụ phẩm phát sinh từ quá trình chế biến
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường	Cần hoàn thiện	
11.1	Nước thải		Đề nghị so sánh các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép đạt Quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
11.2	Khí thải		
11.3	Tiếng ồn, độ rung		
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại		
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý		
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động		
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất		
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	Đạt yêu cầu	
12.1	Đối với nước thải		
12.2	Đối với khí thải		
12.3	Giám sát khác		
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)		
13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		
14	Các cam kết của chủ dự án	Đạt yêu cầu	

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đã nhận dạng, đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu phù hợp với loại hình dự án .....

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):*

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

Trên cơ sở khối lượng nguyên liệu và định mức sử dụng nguyên liệu, đề nghị rà soát để có phương án bố trí kho chứa cho phù hợp đối với phụ phẩm của các quy trình sản xuất; làm rõ tần suất chuyển giao; lưu ý trong quá trình chuyển giao tại khu vực lưu chứa nếu có phát sinh nước thải phải bổ sung công trình thu gom dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý tập trung, tránh tình trạng nước thải hòa lẫn với nước mưa và thoát ra môi trường.

9. Kết luận *(nêu rõ 01 trong 03 mức độ):* Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

An Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Nguyễn Trương Khương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Đặng Hữu Thắng

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Thạc Sỹ, Chuyên viên

3. Nơi công tác: (Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail) Chi cục Bảo vệ môi trường

4. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II.

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	2	Bổ sung các văn bản chứng minh phù hợp Quy hoạch
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	1	
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	1	
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra.		
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	1	

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
4.1.1	Nước thải	1	
4.1.2	Khí thải	2	Bổ sung cụ thể biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải
4.1.3	Chất thải rắn thông thường	2	Bổ sung rõ biện pháp giảm thiểu mùi từ khu vực lưu chứa phế phẩm
4.1.4	Chất thải nguy hại	1	
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi).	2	Đánh giá khả năng tiếp nhận của nguồn tiếp nhận nước thải
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)		
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường		
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải	2	Rà soát bổ sung hệ thống thu gom nước thải ở các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải, lưu ý đối với khu lưu chứa phụ phẩm của quá trình sản xuất
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải	2	Rà soát quy định về khoảng cách an toàn đối với vị trí bố trí công trình xử lý nước thải, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
			hợp
7.3	Biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải	2	Bổ sung biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại	1	
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường	1	
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải	1	
7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)		
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	1	
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	1	
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường		
11.1	Nước thải	2	Đề nghị so sánh các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép đạt Quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)
11.2	Khí thải		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
11.3	Tiếng ồn, độ rung	2	Bổ sung đánh giá tiếng ồn khu vực máy móc làm lạnh
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại	1	
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý	1	
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động		
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất		
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	1	
12.1	Đối với nước thải	1	
12.2	Đối với khí thải		
12.3	Giám sát khác		
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)		
13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
14	Các cam kết của chủ dự án	2	Bổ sung cam kết khi có xảy ra ô nhiễm phải bồi thường theo quy định

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đã nhận dạng, đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu phù hợp với loại hình dự án.....

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):*

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

- Đề nghị rà soát phạm vi dự án có phù hợp với quy hoạch tỉnh hay không (theo Quyết định số 676/QĐ-UBND).

- Rà soát phạm vi diện tích dự án phải đảm bảo phù hợp mục đích sử dụng, để làm cơ sở cấp phép theo quy định.

- Bổ sung nội dung đánh giá nước từ hoạt động làm mát của máy làm lạnh của nhà máy (tuần hoàn hay xả ra môi trường).

- Do dự án thuộc danh mục nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và gần dân cư, do đó, cần có biện pháp cụ thể giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước (làm rõ tuần suất, thời gian phun chế phẩm vi sinh, danh mục máy móc, thiết bị để sử dụng phun chế phẩm vi sinh,…).

- Đối với phụ phẩm: Đề nghị làm rõ tần suất chuyển cho đơn vị có nhu cầu làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi (đề nghị xem xét việc chuyển trong ngày để hạn chế phát sinh mùi hôi).

- Bổ sung nội dung cam kết lập Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

9. Kết luận *(nêu rõ 01 trong 03 mức độ):* Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

An Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Đặng Hữu Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Võ Văn Lên

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Thạc Sỹ, Phó Giám đốc

3. Nơi công tác: (Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail) Sở Nông nghiệp và Môi trường

4. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II.

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	2	Đề nghị chủ đầu tư bổ sung đánh giá sự phù hợp về quy hoạch theo Quyết định 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.; sự phù hợp theo quy hoạch phát triển đô thị của địa phương. Rà soát phạm vi diện tích dự án phải đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, mục đích sử dụng, để làm cơ sở cấp phép theo quy định
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	1	
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	1	

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra.		
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	1	
4.1.1	Nước thải	1	
4.1.2	Khí thải	1	
4.1.3	Chất thải rắn thông thường	1	
4.1.4	Chất thải nguy hại	1	
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi).	1	
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)		
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải	1	
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải	2	Đề nghị áp dụng quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)
7.3	Biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải	2	Đề nghị chủ dự án có giải pháp bảo đảm vệ sinh môi trường xung quanh đối với hệ thống xử lý nước thải
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại	1	
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường	1	
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải	1	
7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)		
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	1	
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	1	
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
11.1	Nước thải	1	
11.2	Khí thải		
11.3	Tiếng ồn, độ rung	1	
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại	1	
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý	-	
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động	-	
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	-	
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	1	
12.1	Đối với nước thải	1	
12.2	Đối với khí thải	1	
12.3	Giám sát khác	1	
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)		

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh	-	
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh	-	
14	Các cam kết của chủ dự án	1	

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đã xác định đúng đối tượng và trình bày đúng theo mẫu 22c Mục 2 Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):* tương đối đầy đủ

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo: phù hợp. Tuy nhiên, phải áp dụng quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

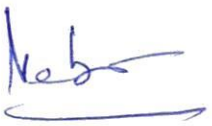
Hoàn chỉnh báo cáo theo các ý kiến nhận xét của các thành viên hội đồng.

9. Kết luận: Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

An Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)



Võ Văn Lên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Lương Thanh Hải

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: ThS. CT.

3. Nơi công tác (*tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail)*: Liên hiệp các Hội KH&KT TAG, 40 Hùng Vương, P. Rạch Giá; ĐT: 0913993348.

4. Tên dự án: **Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II**

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

STT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	1	
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	2	BS cập nhật hiện trạng CL nước mặt rạch Cà Lang, nguồn tiếp nhận
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	1	
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra		
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô,	1	

	tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại		
4.1.1	Nước thải	1	
4.1.2	Khí thải	1	
4.1.3	Chất thải rắn thông thường	1	
4.1.4	Chất thải nguy hại	1	
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi)	-	
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)	-	
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường	1	
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải	1	
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải	1	
7.3	Biện pháp, công nghệ xử lý bụi, khí thải	1	
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại	1	
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường	1	
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải	-	
7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	

8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)	-	
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	2	BC chưa dự kiến KL phát sinh, từng loại CTNH, mã số
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	1	
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường	1	
11.1	Nước thải	1	
11.2	Khí thải	-	
11.3	Tiếng ồn, độ rung	-	
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại	-	
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý	-	
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động	-	
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	-	
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	1	
12.1	Đối với nước thải	1	
12.2	Đối với khí thải	-	
12.3	Giám sát khác	-	
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)	-	

13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mụcphân loại xanh	-	
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh	-	
14	Các cam kết của chủ dự án	1	

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

DA đã xây dựng xong, nay thực hiện các thủ tục để đưa nhà máy vào vận hành.

Hình thức của BC theo mẫu trình bày rõ ràng.

Nội dung BC đầy đủ các mục, chi tiết, rất tốt.

Tuy nhiên, để BC được hoàn chỉnh xin có vài ý kiến nhỏ.

Chương 1: Mô tả DA

. Bổ sung vị trí DA: tọa độ theo VN2000 kênh tuyến trục $104^0 45'$ múi chiếu 3^0, tiếp giáp xung quanh KVDA. (có nêu vị trí tại Tổ, Ấp, Xã, TAG, nước thải sau XL nguồn tiếp nhận là rạch Cà Lang các DA # 450m (tr 58).

. Bảng 1.8 (tr 38): Bảng tổng hợp nhu cầu SD nhiên liệu tại NM: xem BS đầy đủ, như NH_3 SD trong hệ thống làm lạnh cấp đông (tr 85: 13kg/ngày).

Chương 2: Sự phù hợp

. Bổ sung: QĐ 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND TAG Vv Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh AG thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050./ chắc DA này cũng còn phù hợp Điều chỉnh QH.

. Khí hậu khí tượng: BC tham khảo số liệu 5 năm 2019-2023./ nên tham khảo 5 năm đến 2025.

Chương 3: Hiện trạng môi trường…

Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí (tr 68): nội dung chỉ có KK, thiếu MT nước mặt nơi là nguồn tiếp nhận nước thải sau XL nhưng BC có nêu tại mục mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải (tr 65) có B 3.9 KQ PT CL nước mặt, nguồn tham khảo NM CB TS Kiên Cường năm 2023: nước mặt rạch Cà Lang có dấu hiệu ô nhiễm 7 chỉ tiêu vượt QCVN 08:2023/BTNMT, nên chăng tham khảo cập nhật KQ phân tích năm 2025 từ nguồn khác hoặc DA bổ sung lấy mẫu phân tích.

Chương 4: ĐG…BP BVMT

. Mục ĐG TĐ đến MT nước, B 4.1 (tr 70): **Lượng nước SD** trong quá trình chế biến của nhà máy: có nhiều cột, cột cuối là nước thải phát sinh m3/ngày./ tính toán tốt có nhân hệ số k trong đó có HS k là 3,0 tại STT công nhân làm việc tại NM./tuy

nhiên nên thay tựa bảng là **"Lượng nước thải phát sinh** trong quá trình CB của NM" thì rõ hơn. Nhà thầu xử lý đạt Cột B QCVN 40:2025/BTNMT

. Chất thải nguy hại BC thiếu ĐG TĐ, tuy nhiên có nêu BP PN GT TĐ (tr 117) các loại thùng lưu giữ chứa trong kho DT 6m2…nhưng thiếu dự kiến KL phát sinh và mã số từng loại CTNH.

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):*

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

9. Kết luận *(nêu rõ 01 trong 03 mức độ): thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung (thông qua không yêu cầu, điều kiện trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư này); thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung (thông qua có yêu cầu, điều kiện trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư này); không thông qua (nêu rõ lý do).*

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung

An Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)

Lương Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Thuận Hòa

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Trưởng phòng Quản lý chất lượng môi trường

3. Nơi công tác (*tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail)*: Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Nông nghiệp và Môi trường; điện thoại: 0919.540.888

4. Tên dự án: **Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II**

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

STT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	1	
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	2	Đề nghị bổ sung thu mẫu nước mặt Rạch Cà Lang
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	2	
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	2	
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô,	2	

	tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại		
4.1.1	Nước thải	1	
4.1.2	Khí thải	1	
4.1.3	Chất thải rắn thông thường	2	Rà soát tính toán lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (bể Daf và các bể sinh học)
4.1.4	Chất thải nguy hại	1	
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	2	
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi)	2	Rà soát, đánh giá nước mặt rạch Cà Lang
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)	1	
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường	2	
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải	2	
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải	2	
7.3	Biện pháp, công nghệ xử lý bụi, khí thải	2	
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại	2	
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường	2	
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải	2	

7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra		
8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)		Không thuộc đối tượng
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	2	
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	2	
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường	1	
11.1	Nước thải		
11.2	Khí thải		
11.3	Tiếng ồn, độ rung		
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại		
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý		
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động		
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất		
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	2	
12.1	Đối với nước thải	2	
12.2	Đối với khí thải		
12.3	Giám sát khác		
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh		Không thuộc đối tượng

	mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)		
13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mụcphân loại xanh		
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		
14	Các cam kết của chủ dự án	1	

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

Báo cáo viết có bố cục, hình thức bám sát theo biểu mẫu quy định.

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):*

Thông tin trong báo cáo tương đối đầy đủ, chi tiết.

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo: khá thỏa đáng

7.3. Câu hỏi (nếu có): không

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

Các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cụ thể như sau:

+ Đề nghị nêu cụ thể biện pháp, trang thiết bị, hóa chất sử dụng, tần suất phun để giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn của hệ thống xử lý nước thải để làm cơ sở xem xét, đánh giá xem có thể cho hệ thống xử lý nước thải đặt tại khu vực như trong báo cáo đề xuất không.

+ Do trong quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải có công đoạn xử lý hóa lý và phát sinh bùn thải nhiều. Do đó, phải tính toán rõ khối lượng bùn thải phát sinh (từ bể Daf và các bể sinh học) để làm cơ sở tính toán, bố trí bể chứa bùn cho phù hợp. Trong báo cáo mới tính toán bùn phát sinh từ các bể sinh học.

+ Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải: đề nghị hệ thống xử lý nước thải của dự án phải lắp đặt công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung) theo quy định tại khoản 24, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

+ Đề nghị rà soát, lập bảng thống kê cụ thể diện tích và mục đích sử dụng đất của các công trình của cơ sở.

+ Đề nghị bổ sung thu mẫu phân tích đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước Rạch Cà Lang.

9. Kết luận *(nêu rõ 01 trong 03 mức độ): thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung (thông qua không yêu cầu, điều kiện trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư này); thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung (thông qua có yêu cầu, điều kiện trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư này); không thông qua (nêu rõ lý do).*

Thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp GPMT.

An Giang, ngày tháng năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Thuận Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Trần Thế Anh

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính

3. Nơi công tác (*tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail)*: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Tên dự án: **Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II**

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

STT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	2	Đề nghị chủ đầu tư bổ sung Quyết định 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tại mục 2.1 trang 54 của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	1	
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	1	
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	

4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	1	
4.1.1	Nước thải	1	
4.1.2	Khí thải	1	
4.1.3	Chất thải rắn thông thường	1	
4.1.4	Chất thải nguy hại	1	
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	1	
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi)	1	
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)	1	
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường	1	
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải	1	
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải	1	
7.3	Biện pháp, công nghệ xử lý bụi, khí thải	1	
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại	1	
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường	1	
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải	1	
7.7	Các công trình, biện pháp	1	

	phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra		
8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)	1	
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	1	
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	1	
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường	1	
11.1	Nước thải	1	
11.2	Khí thải	1	
11.3	Tiếng ồn, độ rung	1	
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại	1	
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý	1	
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động	1	
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	1	
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	1	
12.1	Đối với nước thải	1	
12.2	Đối với khí thải	1	
12.3	Giám sát khác		
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy		

	định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)		
13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mụcphân loại xanh		
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		
14	Các cam kết của chủ dự án	1	

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):*

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư:

- Tại mục 3.2.2 mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải trang 65 của báo cáo là lấy nguồn số liệu của Công ty nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh Kiên Cường năm 2023 là chưa phù hợp. Đề nghị chủ đầu tư bổ sung số liệu quan trắc tại Rạch Cái Lang của công ty cho phù hợp.

- Đối với chủ trương đầu tư của dự án chỉ có 2.426,0m^2 mà hiện tại Chủ đầu tư xin cấp phép môi trường diện tích đến 9.371,1m^2 là chưa phù hợp. Đề nghị chủ đầu tư rà soát lại nội dung này cho phù hợp.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã hết hạn. Đề nghị chủ đầu tư bổ sung hợp đồng còn hiệu lực.

9. Kết luận *(nêu rõ 01 trong 03 mức độ): thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung*

An Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thế Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Phan Thị Ngọc Liễu

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Chuyên Viên

3. Nơi công tác: Chi cục Quản lý đất đai An Giang

4. Tên dự án: **Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II**

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

STT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	2	Do hiện nay, Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, (Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thực hiện). Đồng thời, quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền lập của Sở Xây dựng và UBND cấp xã thực hiện. Do đó, đối vơi nội dung đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch đề nghị lấy ý kiến thêm Sở Tài chính để xác định sự phù hợp của dự án với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án		
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa		

	chọn thực hiện dự án		
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra		
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại		
4.1.1	Nước thải		
4.1.2	Khí thải		
4.1.3	Chất thải rắn thông thường		
4.1.4	Chất thải nguy hại		
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra		
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi)		
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)		
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường		
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải		
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải		
7.3	Biện pháp, công nghệ xử lý bụi, khí thải		
7.4	Phương án quản lý chất thải		

	nguy hại		
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường		
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải		
7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra		
8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)		
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát		
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)		
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường		
11.1	Nước thải		
11.2	Khí thải		
11.3	Tiếng ồn, độ rung		
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại		
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý		
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động		
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất		
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng		
12.1	Đối với nước thải		
12.2	Đối với khí thải		

12.3	Giám sát khác		
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)		
13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mụcphân loại xanh		
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		
14	Các cam kết của chủ dự án		

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*:

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu):*

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư: đề nghị chủ đầu tư phối hợp với tư vấn xác định lại quy mô, phạm vi thực hiện dự án (theo thuyết mình báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án, có tổng diện tích 9.371,1m^2. Tuy nhiên theo Giấy chứng đầu tư số: 0188426858 do Sở Tài chính An Giang cấp cho Công ty, đối với dự án Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II với diện tích đất: 2.426m^2).

9. Kết luận: Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

An Giang, ngày tháng năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)

Phan Thị Ngọc Liên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Họ và tên người nhận xét: Trịnh Đình Bảo

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Trưởng phòng Kiểm tra chuyên ngành.

3. Nơi công tác (*tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail)*: Chi cục Thuỷ lợi (Thành viên)

4. Tên dự án: **Nhà máy chế biến thủy sản Liên Việt II**

5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

STT	Nội dung thẩm định	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	Đạt	
2	Kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án	Đạt	
3	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	Đạt	
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường; đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra	Cần hoàn thiện	Cập nhật tính toán khối lượng & đề xuất các giải pháp phù hợp
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải của dự án; quy mô,	Cần hoàn thiện	Bổ sung cơ sở tính toán, khối lượng nhỏ thải lớn.

	tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại		
4.1.1	Nước thải		
4.1.2	Khí thải		
4.1.3	Chất thải rắn thông thường		
4.1.4	Chất thải nguy hại		
4.2	Đánh giá, dự báo các sự cố môi trường do chất thải gây ra		
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn của môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước (hoặc nguồn nước công trình thủy lợi)	Cần hoàn thiện	
6	Đánh giá và dự báo về tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy (đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển)		
7	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường		
7.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải		
7.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải		
7.3	Biện pháp, công nghệ xử lý bụi, khí thải		
7.4	Phương án quản lý chất thải nguy hại		
7.5	Phương án quản lý chất thải rắn thông thường		
7.6	Các biện pháp khác nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải		
7.7	Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra		

8	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)	✓	
9	Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát	Đạt	
10	Khối lượng chất thải rắn thông thường (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt,…)	Đạt	
11	Nội dung đề nghị cấp phép môi trường	Cần hoàn thiện	Rà soát lại các thông số khối lượng
11.1	Nước thải		
11.2	Khí thải		
11.3	Tiếng ồn, độ rung		
11.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại		
11.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý		
11.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động		
11.7	Loại, khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất		
12	Sự phù hợp của kế hoạch vận hành thử nghiệm và chương trình giám sát môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng	Cần hoàn thiện	Rà soát lại tần suất quan trắc môi trường và tổng suất quan trắc
12.1	Đối với nước thải		
12.2	Đối với khí thải		
12.3	Giám sát khác		
13	Sự phù hợp về nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)	✓	

13.1	Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư thuộc danh mụcphân loại xanh		
13.2	Nội dung đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh		
14	Các cam kết của chủ dự án	Đạt.	

6. Nhận xét về hình thức của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo)*: - Đúng bố cục
- Nội dung tương đối đầy đủ.
- Số hạng, bảng biểu; Rà soát lại số liệu cho thống nhất, nội dung của chữ.

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường *(mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu)*: Đầy đủ thông tin tại thời điểm. Bổ sung làm rõ thêm để gia hạn tiếp nhận.

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư: Rà soát chỉnh sửa, thống nhất số liệu giữa các bảng có số tính toán liên quan.
Hoàn thiện phụ lục bổ sung có mời ký.

9. Kết luận *(nêu rõ 01 trong 03 mức độ): thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung (thông qua không yêu cầu, điều kiện trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư này); thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung (thông qua có yêu cầu, điều kiện trong trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư này); không thông qua (nêu rõ lý do).* Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung

An Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2026

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)

Trần Đình Bảo